

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/02/2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Đến

Ông Huỳnh Ngọc Song

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu là thư ký Tòa án.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cây D, xã Thanh M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cây D, xã Thanh M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày:** Ông với bà Nguyễn Thị B sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, ông với bà B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, dẫn đến vợ chồng ông sống ly thân cho đến nay. Nay ông xét thấy không còn tình cảm với bà B, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc. Nay Nguyễn Văn Ph có yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Có ba người con chung là Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1988, Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1989. Hiện các con đã trưởng thành ông không yêu cầu gì về con.

Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:** Sau khi được sự đồng ý của hai bên cha mẹ, bà với ông Ph tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm

1985, không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới bà về sống làm dâu được 02 năm thì vợ chồng bà cất nhà ra ở riêng và sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ph có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã có nhiều lần khuyên ngăn ông Ph nên nghĩ đến gia đình, các con mà quay về gia đình, nhưng ông Ph không nghe và đã bỏ bốn mẹ con bà đi sinh sống chung với người phụ nữ khác. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông Ph, mâu thuẫn trầm trọng, nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nay bà đồng ý ly hôn ông Nguyễn Văn Ph

Về con chung: Có ba người con chung là Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1988, Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1989. Hiện các con đã trưởng thành bà không yêu cầu gì về con.

Về tài sản, nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các vấn đề về hôn nhân, con chung ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị B điều thống nhất, nên không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà Nguyễn Thị B, trú tại ấp Cây D, xã Thanh M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, về con chung đã trưởng thành, về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph, bị đơn Nguyễn Thị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được, tiến hành công khai chứng cứ vắng mặt ba B và xét xử vắng mặt họ theo quy định tại 207, 208, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông Ph, ba B sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, ông bà đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1985 mặc dù không có đăng ký kết hôn, nhưng theo pháp luật Việt Nam thừa nhận đây là hôn nhân thực tế. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên trong quá trình chung sống nhau ông Ph, ba B đã bỏ mặt nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Thông qua lời khai của hai bên thì từ khoảng năm 2002 ông Ph, ba B đã bỏ mặt nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và trong khoảng thời gian này hai người không hề gặp nhau để thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong một khoảng thời gian dài trên 15 năm. Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình

trạng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị B cũng có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Phải, nhưng do bà bận việc đi làm không thể đến Tòa án hòa giải cùng ông Ph được nên có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Ph đối với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Có ba người con chung là Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1988, Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1989. Hiện các con đã trưởng thành ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị B không yêu cầu gì về con, nên không xét đến.

Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị B được ly hôn

Về con chung: Có ba người con chung là Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1988, Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1989. Hiện các con đã trưởng thành ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị B không yêu cầu gì về con, nên không xét đến

Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019974 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ông Nguyễn Văn Ph đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương văn Đến – Huỳnh Ngọc Song

Nguyễn Phú Hiệp

